PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

QUỐC HỘI

QUỐC HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Nghị quyết số: 99/2015/QH13	

NGHỊ QUYẾT
VỀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11;

Sau khi xem xét Báo cáo số 519/BC-CP ngày 17 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và Báo cáo thẩm tra số 3041/BC-UBTCNS13 ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách về dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; Tờ trình số 523/TTr-CP ngày 17 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và Báo cáo thẩm tra số 3042/BC-UBTCNS13 ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách về phương án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ còn dư của các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên; Tờ trình số 475/TTr-CP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và Báo cáo thẩm tra số 3040/BC-UBTCNS13 ngày 19 tháng 10 năm 2015 về tình hình triển khai Nghị quyết số 78/2014/QH13 về công tác phát hành trái phiếu Chính phủ và tái cơ cấu nợ Chính phủ; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 990/BC-UBTVQH13 ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2015, dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán ngân sách nhà nước năm 2016

Tổng số thu cân đối ngân sách nhà nước là **1.014.500 tỷ đồng** (một triệu, không trăm mười bốn nghìn, năm trăm tỷ đồng); nếu tính cả **4.700 tỷ đồng** (bốn nghìn, bảy trăm tỷ đồng) thu chuyển nguồn ngân sách địa phương từ năm 2015 sang năm 2016 thì tổng số thu ngân sách nhà nước là **1.019.200 tỷ đồng** (một triệu, không trăm mười chín nghìn, hai trăm tỷ đồng);

Tổng số chi cân đối ngân sách nhà nước là **1.273.200 tỷ đồng** (một triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm tỷ đồng);

Mức bội chi ngân sách nhà nước là **254.000 tỷ đồng** (hai trăm năm mươi tư nghìn tỷ đồng), tương đương **4,95%** tổng sản phẩm trong nước (GDP).

(Kèm theo các phụ lục số 1, 2, 3, 4 và 5)

Điều 2. Giao Chính phủ

1. Trong năm 2016

a. Thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ; phối hợp đồng bộ với chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao hơn năm 2015. Tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách, thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đúng quy định của pháp luật. Đẩy mạnh giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí.

b. Chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt các luật thuế và các nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, chống thất thu, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, gian lận, trốn thuế. Hạn chế tối đa việc ban hành các chính sách mới làm giảm thu ngân sách nhà nước.

c. Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao. Tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên của từng bộ, ngành, địa phương; giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài, hạn chế mua sắm ô tô và trang thiết bị đắt tiền; từng bước thực hiện khoán xe công đối với một số chức danh. Tổ chức bầu cử Quốc hội và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp theo tinh thần triệt để tiết kiệm; đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý chi ngân sách nhà nước. Chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm. Quản lý chặt chẽ việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước và chi chuyển nguồn sang năm sau. Thực hiện nghiêm Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

d. Thực hiện điều chỉnh tiền lương đối với người có mức lương hưu, trợ cấp mất sức lao động dưới 2.000.000 đồng/tháng và trợ cấp đối với giáo viên mầm non có thời gian công tác trước năm 1995 để lương hưu của các đối tượng này đạt mức lương cơ sở, thời điểm thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 4 năm 2016, tiếp tục thực hiện mức điều chỉnh đối với các đối tượng được quy định tại Nghị quyết số 78/2014/QH13 ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội. Từ ngày 01 tháng 5 năm 2016, thực hiện điều chỉnh tăng mức lương cơ sở từ 1.150.000 đồng/tháng lên 1.210.000 đồng/tháng (tăng khoảng 5%) đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, bảo đảm thu nhập của đối tượng có hệ số lương từ 2,34 trở xuống không giảm so với mức đang hưởng; riêng lương hưu, trợ cấp ưu đãi người có công, tiếp tục giữ mức đã tăng 8% như đã thực hiện năm 2015. Giao các bộ, ngành, địa phương trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước được

giao tự cân đối để bố trí nguồn tăng lương. Ngân sách trung ương hỗ trợ một phần tiền lương tăng thêm cho một số địa phương nghèo, ngân sách khó khăn theo quy định của Chính phủ.

đ. Tiếp tục thu vào ngân sách nhà nước 75% số tiền lãi dầu, khí được chia nước chủ nhà, lợi nhuận của Liên doanh dầu khí Việt - Nga và tiền đọc tài liệu phát sinh trong năm 2016; số tiền còn lại (25%) để lại cho Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đầu tư theo quy định của pháp luật.

e. Quản lý chi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tăng cường huy động các nguồn lực trong nước và ngoài nước cho đầu tư phát triển, hoàn thiện cơ sở pháp lý để đẩy mạnh hợp tác công tư, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là khu vực nông nghiệp, nông thôn.

g. Phát hành 60.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ để đầu tư các dự án, công trình sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ đã được Quốc hội quyết định. Kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước; trong điều hành cần có biện pháp tích cực để giảm bội chi và tăng chi trả nợ. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc vay, sử dụng vốn vay và trả nợ, nhất là đối với các khoản vay mới, vay có bảo lãnh của Chính phủ. Tiếp tục cơ cấu lại các khoản vay của ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng vay trung hạn và dài hạn với lãi suất phù hợp; bảo đảm dư nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia trong giới hạn quy định.

h. Tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công gắn với lộ trình thực hiện tính giá dịch vụ sự nghiệp công. Đẩy mạnh việc chuyển phương thức hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế đặt hàng. Thực hiện điều chỉnh giá các mặt hàng Nhà nước còn định giá theo hướng sát với giá thị trường, bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh hợp lý, thu hút các thành phần kinh tế khác cùng tham gia cung ứng dịch vụ công.

2. Thực hiện một số nhiệm vụ ngân sách nhà nước của năm 2015 và năm 2016

a. Bổ sung 30.000 tỷ đồng vốn ODA ước giải ngân tăng so với kế hoạch vào dự toán chi đầu tư phát triển năm 2015. Chính phủ tổng hợp, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội kết quả phân bổ, sử dụng số vốn này theo quy định của pháp luật.

b. Sử dụng 40.000 tỷ đồng tiền bán cổ phần sở hữu của Nhà nước tại một số doanh nghiệp để đầu tư phát triển. Trường hợp ngân sách trung ương năm 2015 bị hụt thu, cho phép sử dụng không quá 10.000 tỷ đồng tiền bán cổ phần sở hữu của nhà nước nhưng chỉ để cân đối, đáp ứng nhiệm vụ chi đầu tư phát triển. Sử dụng 30.000 tỷ đồng đưa vào dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 để tăng chi đầu tư phát triển.

c. Thực hiện đa dạng hóa kỳ hạn trái phiếu Chính phủ phát hành trong năm 2015 và năm 2016, trong đó, chỉ phát hành trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 3 năm đến dưới 5 năm với tỷ lệ không quá 30% tổng khối lượng trái phiếu Chính phủ phát hành, 70% bảo đảm từ 5 năm trở lên theo quy định tại Nghị quyết số 78/2014/QH13 ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội.

d. Thực hiện việc phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường vốn quốc tế để cơ cấu lại nợ trong nước của Chính phủ, trên cơ sở so sánh, phân tích, bảo đảm có lợi cho quốc gia và chỉ thực hiện trong năm 2015 và năm 2016, với tổng mức phát hành tối đa là 3.000 triệu đô la Mỹ.

đ. Rà soát quy mô, thiết kế, hiệu quả và phân bổ 14.259 tỷ đồng (mười bốn nghìn, hai trăm năm mươi chín tỷ đồng) vốn trái phiếu Chính phủ còn dư của các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2013 để đầu tư cho các dự án theo *Phụ lục số 6* kèm theo Nghị quyết này theo nguyên tắc chỉ bố trí vốn cho các dự án trên tuyến Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên, khắc phục việc giảm quy mô gây ách tắc giao thông và từng bước hoàn thành đồng bộ các tuyến tránh, kết nối của 2 tuyến đường này. Trường hợp sau khi rà soát, phân bổ, ngoài số vốn dư nêu trên, nếu vẫn tiếp tục còn dư, giao Chính phủ phân bổ cho các dự án liên quan đến đầu tư xây dựng 2 tuyến đường này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Giám sát việc thực hiện

Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tài chính - Ngân sách, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội, các đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn theo quy định của pháp luật, giám sát việc thực hiện các quy định của Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2015./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Sinh Hùng

PHỤ LỤC SỐ 1

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 99/2015/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2016
	A - TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**1.014.500**
1	Thu nội địa	785.000
2	Thu từ dầu thô	54.500
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu	172.000
4	Thu viện trợ	3.000
	B - THU CHUYỂN NGUỒN NSĐP NĂM 2015 SANG NĂM 2016	**4.700**
	C - TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**1.273.200**
1	Chi đầu tư phát triển	254.950
2	Chi trả nợ và viện trợ	155.100
3	Chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính	823.995
4	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế	13.055
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	100
6	Dự phòng	26.000
	D - BỘI CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**254.000**
	Tỷ lệ bội chi so GDP	4,95%

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm 30.000 tỷ đồng tiền bán bớt phần vốn sở hữu của Nhà nước tại một số doanh nghiệp.

PHỤ LỤC SỐ 2

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 99/2015/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2016
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	
I	**Nguồn thu ngân sách Trung ương**	**596.882**
1	Thu thuế, phí và các khoản thu khác	593.882
2	Thu viện trợ	3.000
II	**Chi ngân sách Trung ương**	**850.882**
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách Trung ương theo phân cấp	639.661
2	Chi bổ sung cho ngân sách địa phương	211.221
	- Bổ sung cân đối	(1) *127.822*
	- Bổ sung có mục tiêu	(2) *83.399*
III	**Vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước**	**254.000**
B	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
I	**Nguồn thu ngân sách địa phương**	**633.539**
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	417.618
2	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	211.221
	- Bổ sung cân đối	(1) *127.822*
	- Bổ sung có mục tiêu	(2) *83.399*
3	Thu chuyển nguồn ngân sách địa phương năm 2015 chuyển sang năm 2016	4.700
II	**Chi ngân sách địa phương**	**633.539**
1	Chi cân đối ngân sách địa phương	550.140
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	83.399

Ghi chú:

(1) Bao gồm số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSĐP năm 2016 và bổ sung từ NSTW cho NSĐP để thực hiện mức lương cơ sở 1,15 triệu đồng/tháng và điều chỉnh tiền lương cho người có thu nhập thấp theo Nghị quyết số 78/2014/QH13 ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội.

(2) Chưa bao gồm dự toán bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP trong năm 2016 để thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, và dự toán bổ sung kinh phí sự nghiệp các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020.

PHỤ LỤC SỐ 3

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 99/2015/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM 2016
	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	**1.014.500**
I	**Thu nội địa**	**785.000**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước (1)	256.308
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	159.010
3	Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh	143.488
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	31
5	Thuế thu nhập cá nhân	63.594
6	Lệ phí trước bạ	22.805
7	Thuế bảo vệ môi trường	38.472
8	Các loại phí, lệ phí	15.798
9	Các khoản thu về nhà, đất	62.664
a	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	*1.398*
b	*Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước*	*10.859*
c	*Thu tiền sử dụng đất*	*50.000*
d	*Thu bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*	*407*
10	Thu khác ngân sách	21.521
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản tại xã	1.308
II	**Thu từ dầu thô**	**54.500**
III	**Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu**	**172.000**
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	270.000
a	*Thuế xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu*	*91.000*
b	*Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu (tổng số thu)*	*179.000*
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng	-98.000
IV	**Thu viện trợ**	**3.000**

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm 30.000 tỷ đồng tiền bán bớt phần vốn sở hữu của Nhà nước tại một số doanh nghiệp.

PHỤ LỤC SỐ 4

DỰ TOÁN CHI NSNN, CHI NSTW VÀ CHI NSĐP THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 99/2015/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	CHIA RA	
			NSTW	NSĐP
A	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NSNN	1.273.200	(1) 723.060	(2) 550.140
I	**Chi đầu tư phát triển**	**254.950**	(3) **123.750**	**131.200**
II	**Chi trả nợ và viện trợ**	**155.100**	**155.100**	
III	**Chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính**	**823.995**	(4) **429.210**	**394.785**
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo, dạy nghề	195.604	34.604	161.000
2	Chi khoa học, công nghệ	10.471	8.121	2.350
IV	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**	**13.055**	(5) **2.500**	(6) **10.555**
V	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**100**		**100**
VI	**Dự phòng**	**26.000**	**12.500**	**13.500**
B	CHI TỪ CÁC KHOẢN THU QUẢN LÝ QUA NSNN	91.245	61.050	30.195
C	CHI TỪ NGUỒN VAY NGOÀI NƯỚC VỀ CHO VAY LẠI	43.010	43.010	
	TỔNG SỐ (A + B + C)	1.407.455	827.120	580.335

Ghi chú:

(1) Bao gồm cả số bổ sung có mục tiêu cho NSĐP; đã loại trừ số bổ sung cân đối cho NSĐP.

(2) Đã bao gồm cả 127.822 tỷ đồng chi bổ sung cân đối từ NSTW cho NSĐP; chưa bao gồm số bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP.

(3) Đã bao gồm 30.000 tỷ đồng tiền bán bớt phần vốn sở hữu của Nhà nước tại một số doanh nghiệp.

(4) Đã bao gồm kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương cơ sở tăng 5% từ 01/5/2016 của các Bộ, cơ quan Trung ương.

(5) Thực hiện tinh giản biên chế; điều chỉnh lương hưu đối với người có mức lương hưu, trợ cấp mất sức lao động thấp và trợ cấp đối với giáo viên mầm non để mức lương hưu đạt mức lương cơ sở từ 01/01/2016; hỗ trợ kinh phí tăng thêm khi điều chỉnh mức lương cơ sở từ 01/5/2016 cho một số địa phương nghèo, ngân sách khó khăn.

(6) Nguồn 50% tăng thu dự toán NSĐP năm 2016 các địa phương phải dành để thực hiện cải cách tiền lương (phần còn dư sau khi đã đảm bảo đủ kinh phí thực hiện mức lương cơ sở 1,15 triệu đồng/tháng và điều chỉnh tiền lương cho người có thu nhập thấp theo Nghị định số 17/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; sau khi đã cho phép một số địa phương còn dư nguồn lớn sử dụng 12.000 tỷ đồng để tăng chi ĐTPT).

PHỤ LỤC SỐ 5

CÁC KHOẢN THU, CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 99/2015/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2016
	TỔNG SỐ	**91.245**
I	**Các khoản thu, chi quản lý qua ngân sách nhà nước**	**31.245**
1	Phí đảm bảo an toàn hàng hải	1.050
2	Các loại phí, lệ phí khác và đóng góp xây dựng hạ tầng; thu chi tại xã	4.195
3	Thu xổ số kiến thiết	26.000
II	**Chi đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ**	**60.000**

PHỤ LỤC SỐ 6

(Ban hành kèm theo Nghị quyết về Dự toán ngân sách nhà nước năm 2016)

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TPCP CÒN DƯ CỦA CÁC DỰ ÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP QUỐC LỘ 1A VÀ ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH ĐOẠN QUA TÂY NGUYÊN

TT	Danh mục các dự án	Địa điểm xây dựng
I	**Triển khai trước một số hạng mục cấp bách để đồng bộ với tiến độ chung của các dự án nâng cấp, cải tạo quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên**	
1	Bổ sung 13 cầu yếu vào các dự án mở rộng quốc lộ 1 tương ứng	20 tỉnh, thành phố
2	Bổ sung 04 đoạn, dài 6,8 km (bao gồm cả 04 cầu) vào dự án mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km1589+300 - Km1642+00, Km1692+000 - Km1720+800, tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận
3	Bổ sung kinh phí tái định cư để đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng	20 tỉnh, thành phố
II	**Các dự án liên quan đến việc mở rộng hoặc tuyến tránh, các cầu vượt trên quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên, các dự án có tính kết nối với Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên**	
1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Bắc thành phố Hà Tĩnh (Km504+400 - Km509+700) và Nam thành phố Hà Tĩnh (Km514+800 - Km517+950), tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh quốc lộ 1 đoạn qua thị xã Quảng Trị (hạng mục cầu Thành Cổ và đường dẫn), tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị
3	Hỗ trợ một phần Dự án đầu tư xây dựng công trình dự án thành phần 1 mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km947 - Km987, tỉnh Quảng Nam theo hình thức hợp đồng BOT thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam
4	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi
5	Dự án đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba Long Vân đến bến xe liên tỉnh, tỉnh Bình Định	Bình Định
6	Hỗ trợ một phần Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km1125 - Km1153, tỉnh Bình Định đầu tư theo hình thức BOT	Bình Định
7	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt tại nút giao đường sắt chuyên dùng của nhà máy xi măng Bỉm Sơn với quốc lộ 1, tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa
8	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt đường sắt tại nút giao tuyến đường Bỉm Sơn - Phố Cát - Thạch Quảng với quốc lộ 1 và đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa
9	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường D4 thuộc khu kinh tế Đông Nam, tỉnh Nghệ An với Quốc lộ 1 cũ và đường sắt Bắc Nam, kết nối với Quốc lộ 1 mới tại Km 439+900, tỉnh Nghệ An	Nghệ An

TT	Danh mục các dự án	Địa điểm xây dựng
10	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường tỉnh lộ 534 với đường sắt Bắc Nam, Quốc lộ 1 và kết nối với đường tránh thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Nghệ An
11	Dự án đầu tư xây dựng 01 đơn nguyên bên phải cầu Gián Khẩu tại Km255+434,8, quốc lộ 1, tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình
12	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tuyến tránh phía Tây thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk
13	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tuyến tránh đô thị Pleiku, tỉnh Gia Lai	Gia Lai
14	Thảm bê tông nhựa đoạn Km 116+979 - Km 121+027 để hoàn thành Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng QL14, đoạn qua thị xã Đồng Xoài (Km113+779,42 - Km122+230,26), tỉnh Bình Phước thuộc dự án đường Hồ Chí Minh	Bình Phước
15	Đầu tư đoạn Chợ Mới - Chợ Chu thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Mới - Ngã ba Trung Sơn	Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Kạn
16	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh cầu Bình Ca (bao gồm đường dẫn từ ngã ba Phú Thịnh đến ngã ba Bình Ca)	Tuyên Quang
17	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh tuyến tránh thị trấn Ngân Sơn và thị trấn Nà Phặc	Bắc Kạn
18	Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa, thuộc các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh và Long An	Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh, Long An
19	Dự án đầu tư cải tạo đường Hồ Chí Minh đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng nối với đường Lê Duẩn, thành phố Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk
20	Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Năm Căn - Đất Mũi, thuộc tỉnh Cà Mau	Cà Mau
21	Dự án đầu tư dự án tuyến đường kết nối cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình với quốc lộ 1, giai đoạn 2 thuộc dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1A đoạn Đoan Vĩ - cửa phía Bắc và đoạn cửa phía Nam - Dốc Xây, tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình
22	Dự án đầu tư nâng cấp quốc lộ 12B đoạn Tam Điệp - Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình